

Số: 50/2024/QĐST-HNGĐ

Phan Thiết, ngày 18 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 80/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà Ngô Thị K, sinh năm 1965

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1961

Cùng địa chỉ: Khu phố 04, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 59, 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2024.

XÉT THẤY:

Bà Ngô Thị K và Ông Nguyễn Minh Đ đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã Hàm Minh, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Thuận Hải (nay là tỉnh Bình Thuận) theo Giấy công nhận kết hôn số 32, quyển số 01 ngày 31/12/1985. Nay Bà K, Ông Đ xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên thuận tình ly hôn.

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Bà Ngô Thị K và Ông Nguyễn Minh Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị K và Ông Nguyễn Minh Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông bà khai có 05 con chung tên Nguyễn Thị Minh Hà, sinh năm 1987; Nguyễn Thị Minh Định, sinh năm 1990; Nguyễn Thị Minh Được, sinh năm 1991; Nguyễn Thị Minh Đông, sinh năm 1994 và Nguyễn Minh Trắng, sinh năm 1997. Nay các con đã thành niên và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: Ông bà xác định có thửa đất số A tờ bản đồ số B,

diện tích 35,4m² tọa lạc tại khu phố 04, phường Đ, Tp P, tỉnh Bình Thuận; mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài đã được Ủy ban nhân dân thành phố Phan Thiết cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BH 661XXX, số vào sổ cấp GCN: CH 09606 ngày 14/11/2011; trên diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận có 01 căn nhà cấp 3C; tổng giá trị tài sản nhà và đất là 600.000.000 đồng. Ông bà thỏa thuận chia đôi tài sản là nhà đất nêu trên; Bà K là người nhận nhà và đất và đồng thời có nghĩa vụ hoàn lại cho Ông Đ ½ giá trị tài sản tương ứng 300.000.000 đồng.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để chỉnh lý biến động theo quy định của pháp luật về đất đai.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành mà bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

- Về nợ chung: Ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chi phí tố tụng và đo đạc tài sản: Bà K tự nguyện chịu, Bà K đã nộp đủ chi phí tố tụng và đo đạc tài sản

- Về án phí: Bà Ngô Thị K phải chịu 75.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm và 7.500.000 đồng án phí chia tài sản chung. Ngày 16/02/2022 Bà K đã nộp 5.300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0004327 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết nay chuyển thành án phí, Bà K còn phải nộp thêm 2.275.000 đồng.

Ông Nguyễn Minh Đ là người cao tuổi và có đơn miễn nộp tiền án phí nên được miễn án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS Tp PT;
- Cơ quan đã thực hiện việc ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Quách Văn Hoàng

